**Tiết 94: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ NHÂN HOÁ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được nhân hoá bằng cách tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người; sử dụng biện pháp nhân hoá để viết được câu văn sinh động.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: tự chuẩn bị được bài học; tự giác học tập, trả lời câu hỏi, làm bài tập trong giờ học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: trình bày ý kiến, tham gia trao đổi, thảo luận khi làm việc nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Làm được các bài tập về nhân hóa, biết vận dụng biện pháp nghệ thuật để áp dụng vào thực tế viết văn, thơ, …

**3. Phẩm chất.**

- Nhân ái: có ý thức hỗ trợ, giúp đỡ bạn trong giờ học.

- Trách nhiệm: Có ý thức tích cực tham gia hoạt động học tập trên lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SHS, VBT, SGV.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

- Thẻ từ, thẻ câu, phiếu bài tập để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (5 phút)** | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi gọi tên các đồ dùng học tập (Cô bút, bác cặp, chị thước...)  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá và luyện tập (20 phút)** | |
| **Hoạt động 1: Nhận diện nhân hoá**  - GV yêu cầu HS đọc bài thơ và yêu cầu đề bài.  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi theo câu hỏi:  + Mỗi sự vật in đậm được tả bằng những từ ngữ nào?  + Cách tả ấy có tác dụng gì?  - Gọi HS trình bày kết quả thảo luận, nhận xét.  - GV chốt: Những từ ngữ tìm được vốn là từ dùng để tả hoạt động, trạng thái hoặc đặc điểm, tính chất của người được dùng để tả hoạt động, trạng thái hoặc đặc điểm, tính chất của sự vật. Có thể nhân hoá bằng cách tả sự vật bằng từ ngữ vốn dùng để tả người.  **Hoạt động 2:** **Tìm hình ảnh nhân hoá**  - GV yêu cầu HS nêu đề bài: Tìm hình ảnh nhân hóa có trong hai đoạn văn.  - GV tổ chức cho HS làm bài vào phiếu học tập: Gạch chân dưới các hình ảnh nhân hóa.  - Quan sát, giúp đỡ HS.  - Gọi HS chia sẻ bài làm. Nhận xét.  **Hoạt động 3:** **Sử dụng biện pháp nhân hoá để viết lại câu**  - Gọi HS nêu yêu cầu: Sử dụng biện pháp nhân hóa để viết lại câu cho sinh động hơn.  - Gv yêu cầu HS viết lại câu vào vở.  - Quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn.  - Gọi HS đọc câu.  - Nhận xét, đánh giá HS | - HS đọc yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm đôi  *+ Quả thị: dắt mùa thu vào phố, mang theo câu chuyện cổ, kể.*  *+ Chim: hoà ca.*  *+ Mây: choàng khăn cho núi.*  *+ Lim: bâng khuâng.*  *+ Hàng xoan: thay áo mới.*  *+ Chùm hoa: bối rối.*  *+ Chào mào: trẩy hội, sang sông*  *-* Cách tả ấy giúp sự vật hiện lên gần gũi, sinh động, giống như người.  - HS trả lời và nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm bài vào phiếu HT.  *a. Mầm non cựa mình tỉnh giấc.; Các loài chim đua nhau ca hát.; Bầu trời say sưa lắng nghe, mê mải ngắm nhìn.*  - Lưu ý: HS xác định “Mùa xuân đến.” là hình ảnh nhân hoá vẫn chấp nhận.  *b. Trăng lẫn trốn trong các tán lá.; Những mắt lá ảnh lên tinh nghịch.; Trăng đậu vào ánh mắt; Trăng ôm ấp mái tóc bạc của các cụ già.*  - HS nêu yêu cầu.  - HS viết lại câu vào vở và đọc câu trước lớp. |
| **3. Vận dụng (5 phút)** | |
| **-** Gv tổ chức cho HS nói câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa với các đồ dùng học tập theo cặp đôi.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS cùng nói câu.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Hoạt động nối tiếp (5 phút)**  - Dặn dò HS chuẩn bị bài tiết sau.  - Gv nhận xét chung tiết học. Tuyên dương HS, nhóm thực hiện tốt nhiệm vụ. | - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………